



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Gạch ngói Cao cấp

Ngày 31/12/2024	12,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	8.7%	8.7%	8.7%

DT thuần Q4/24
4.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.21 -31.2%
YoY: ▲ 2.47 102%

LN thuần Q4/24
0.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30 43.9%
YoY: ▲ 1.73 234%

LN sau thuế Q4/24
0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.09 13.8%
YoY: ▲ 1.03 355%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
11.5%
YoY: +/-▲ 6.5%

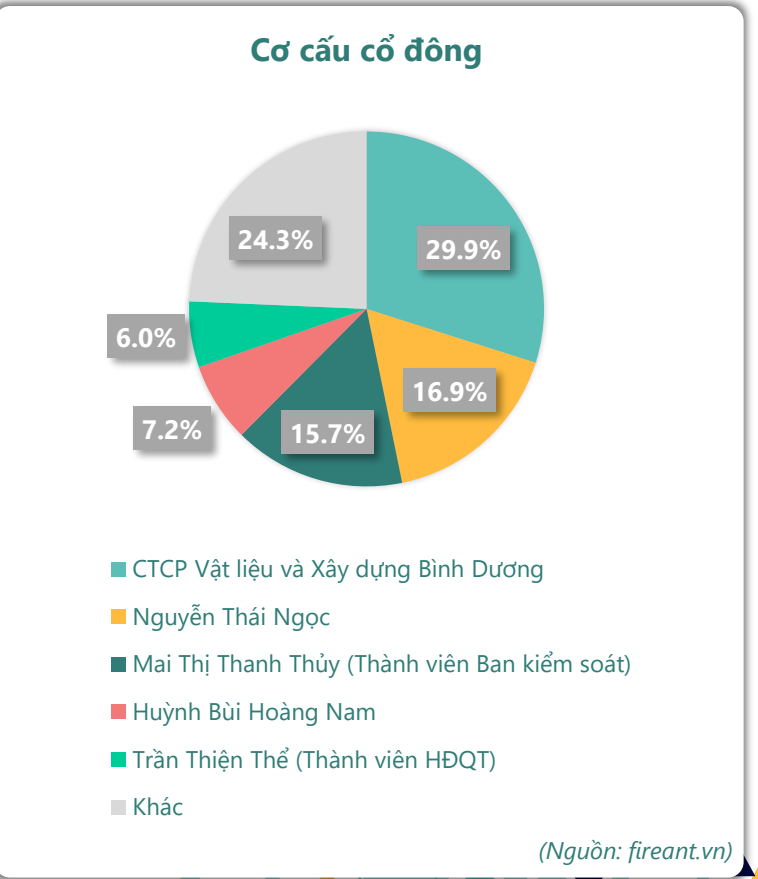
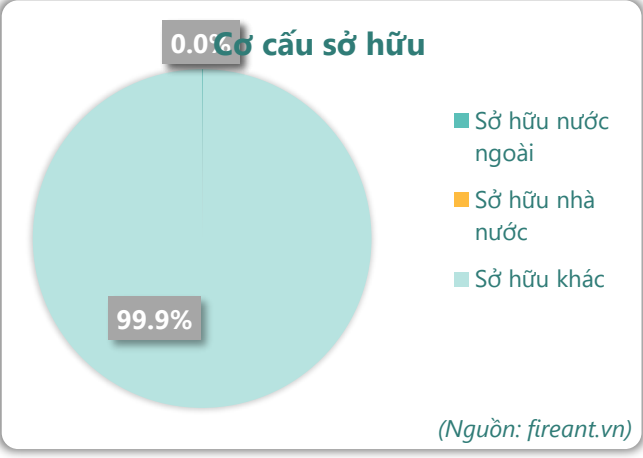
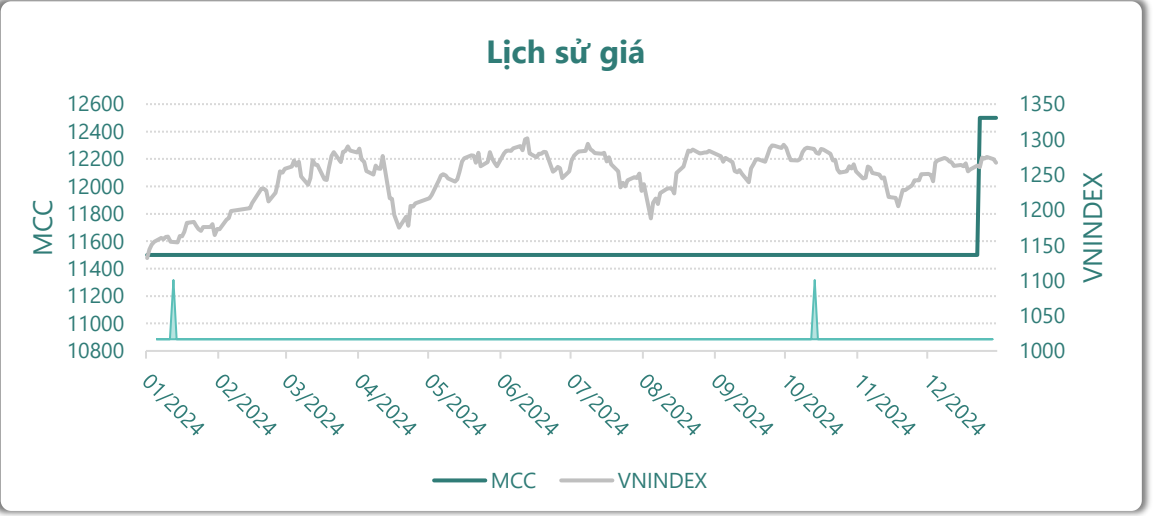
ROE 2024
2.2%
YoY: +/-▲ 2.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,500 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
Số lượng CPLH (CP)	4,986,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.00)
EPS	311
P/E	40.2

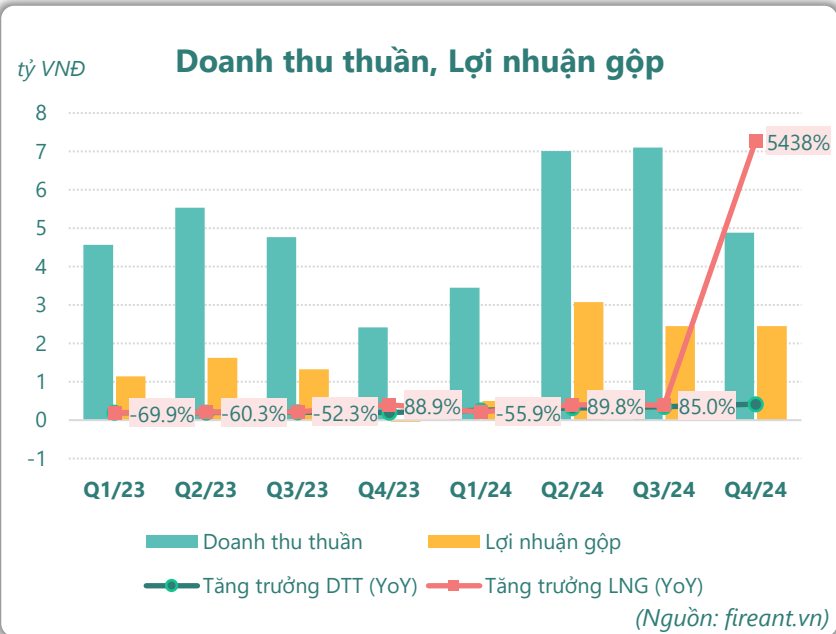
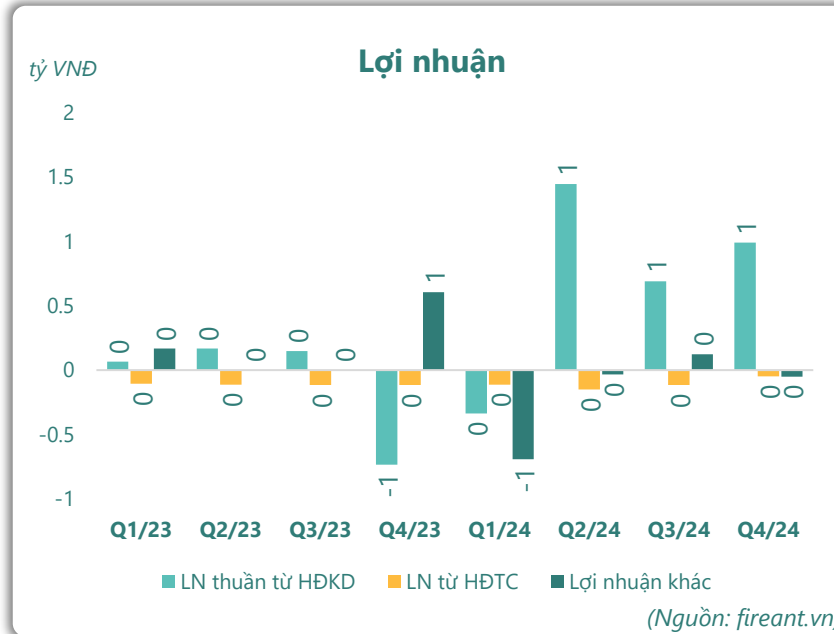
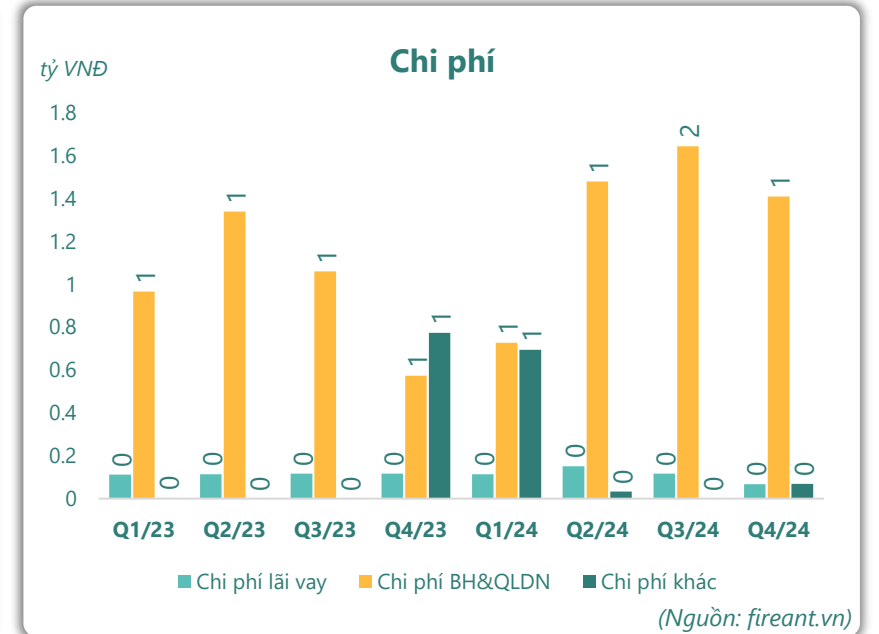
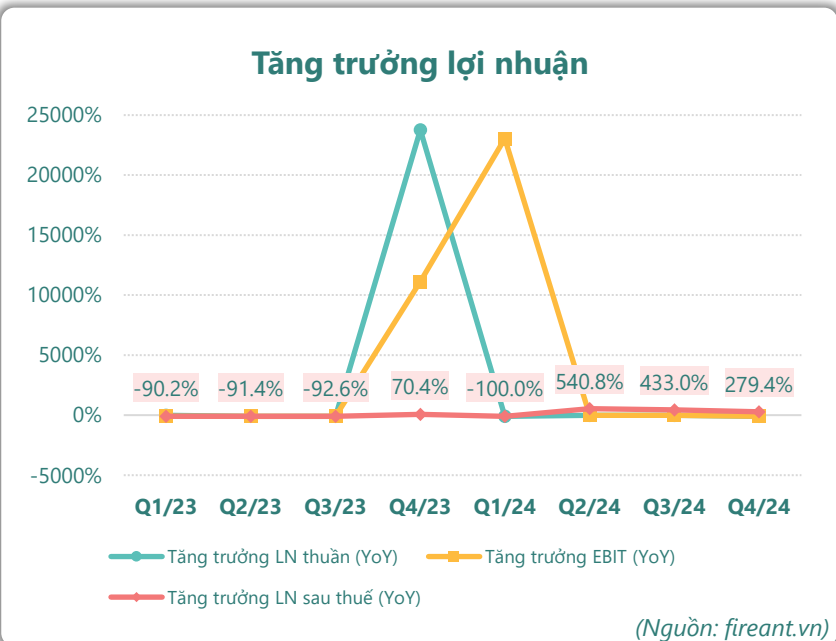
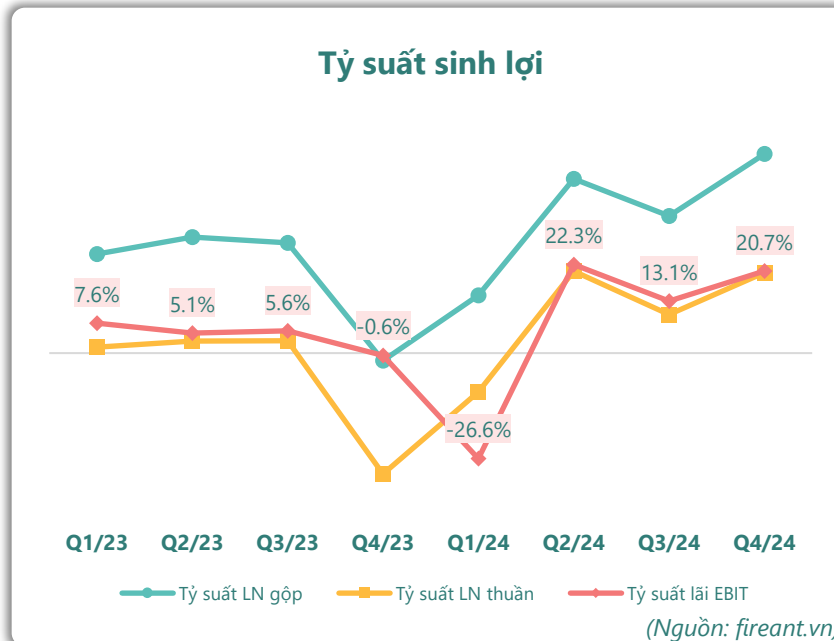
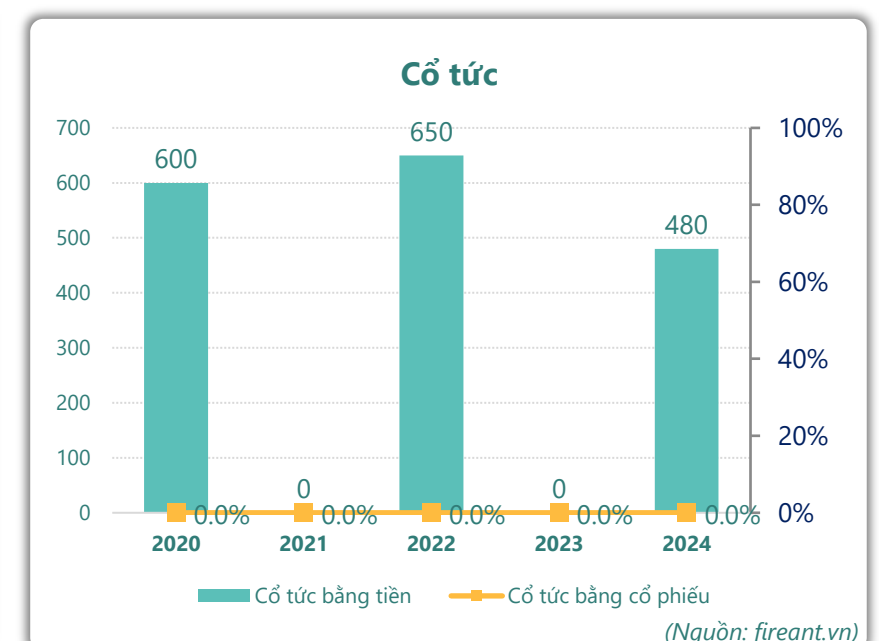
DT thuần 2024
22.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10 29.8%

LN thuần 2024
2.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.14 897%

LN sau thuế 2024
1.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.40 916%



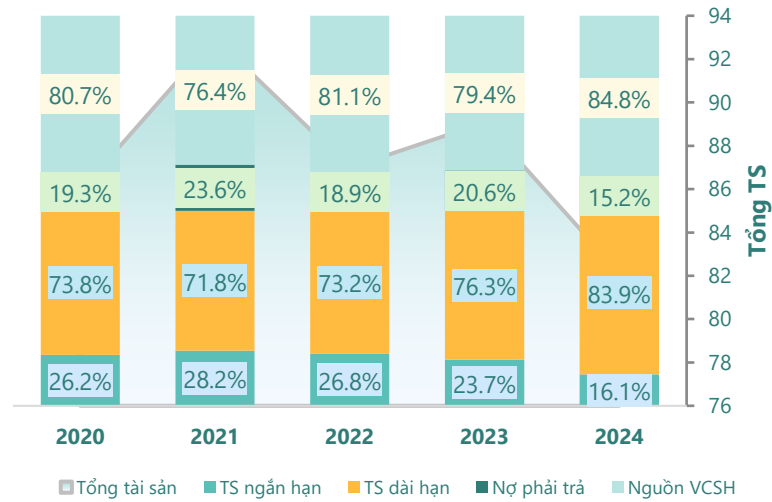
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

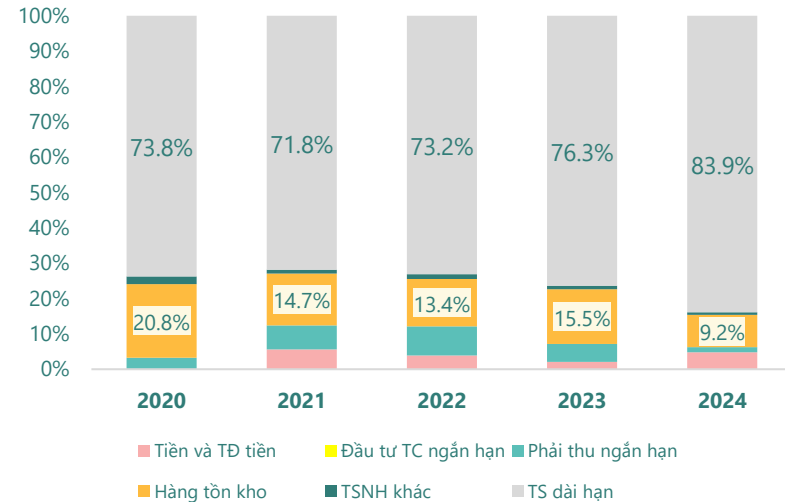
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

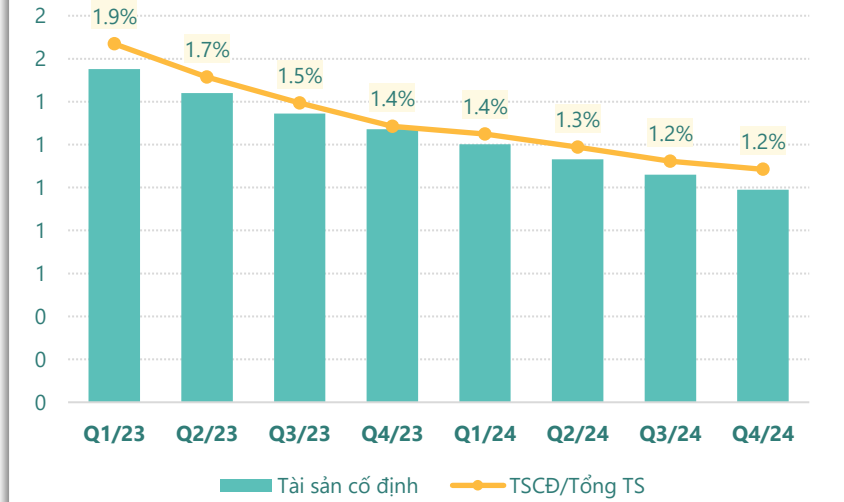
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

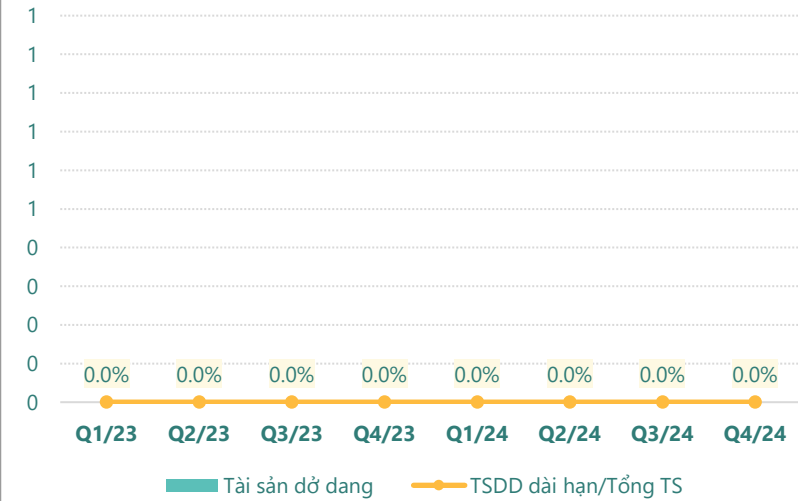
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

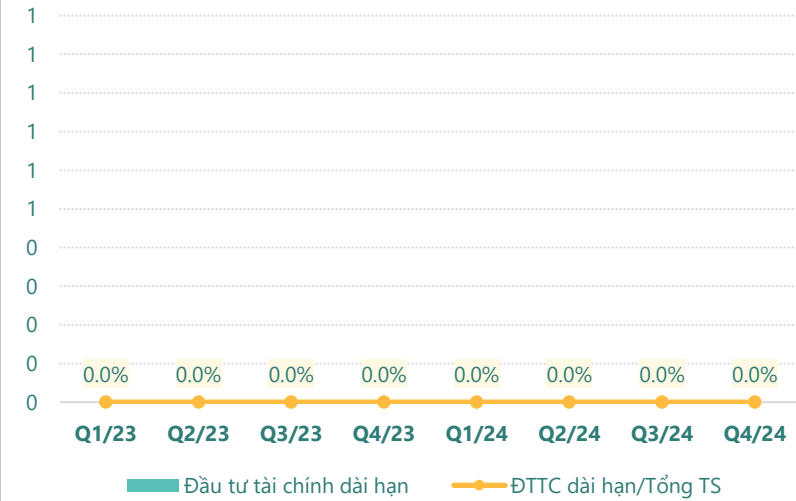
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

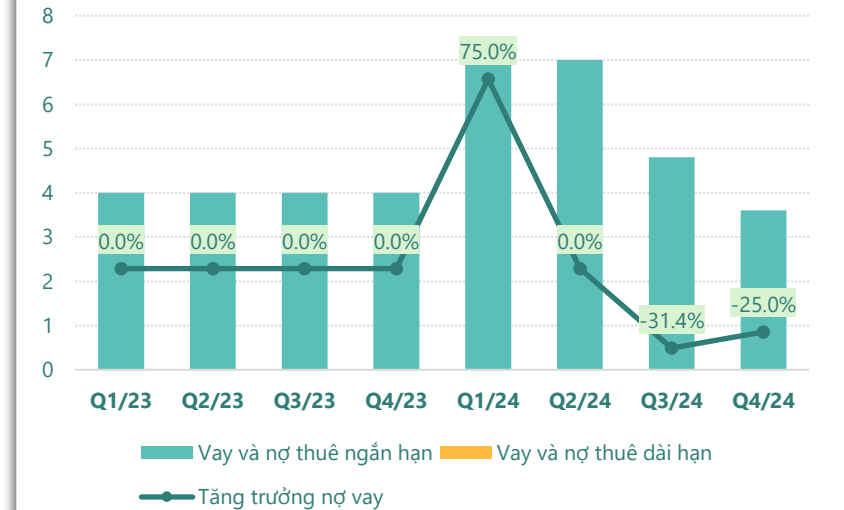
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

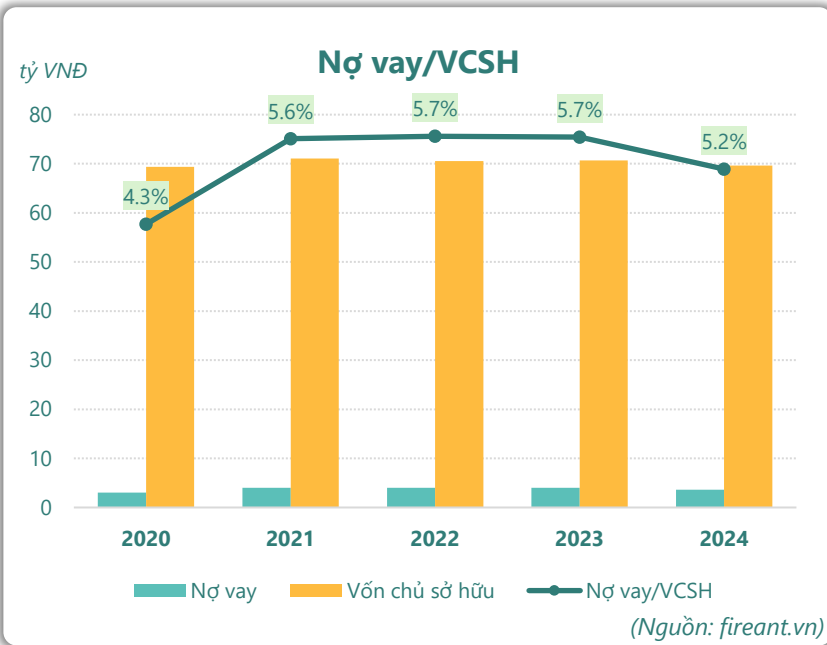
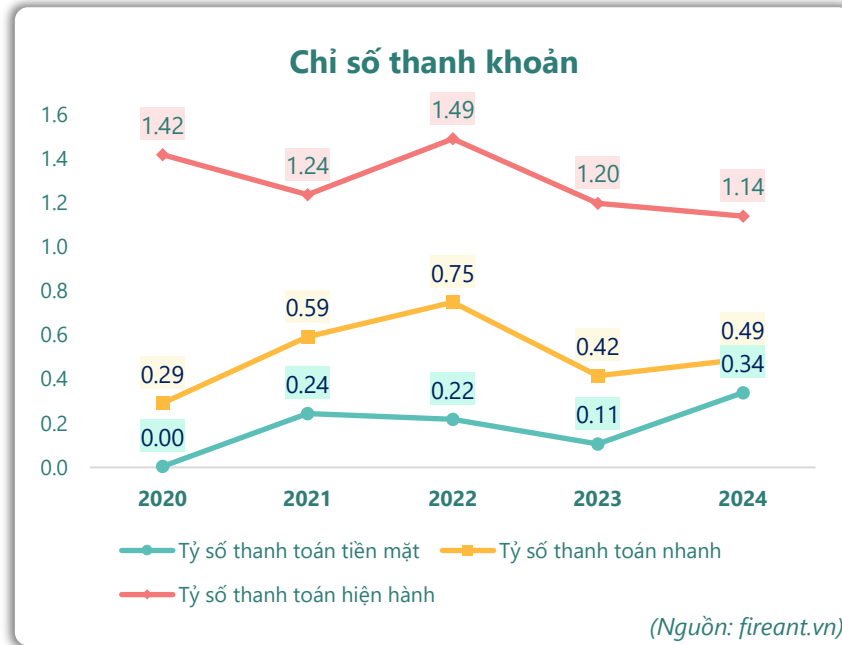
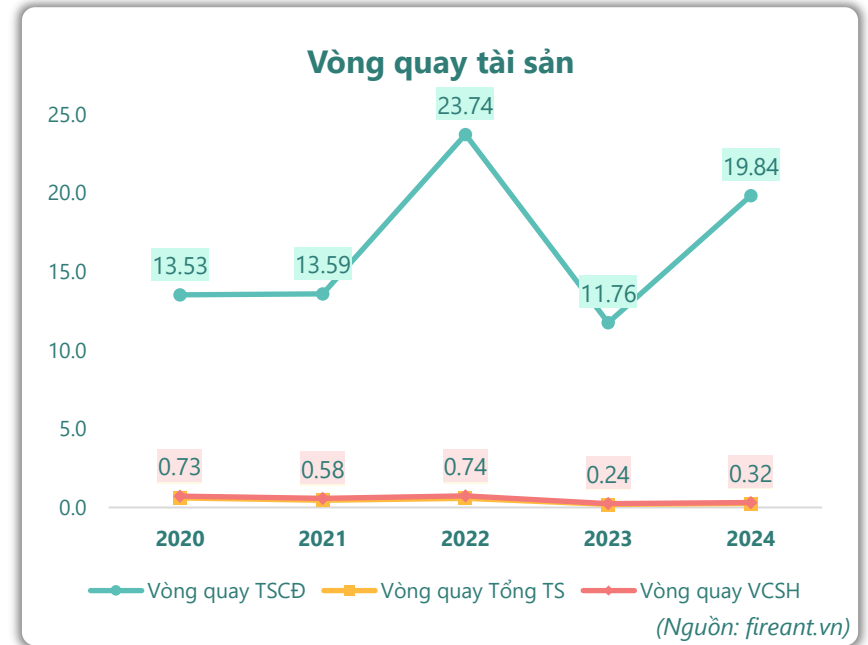
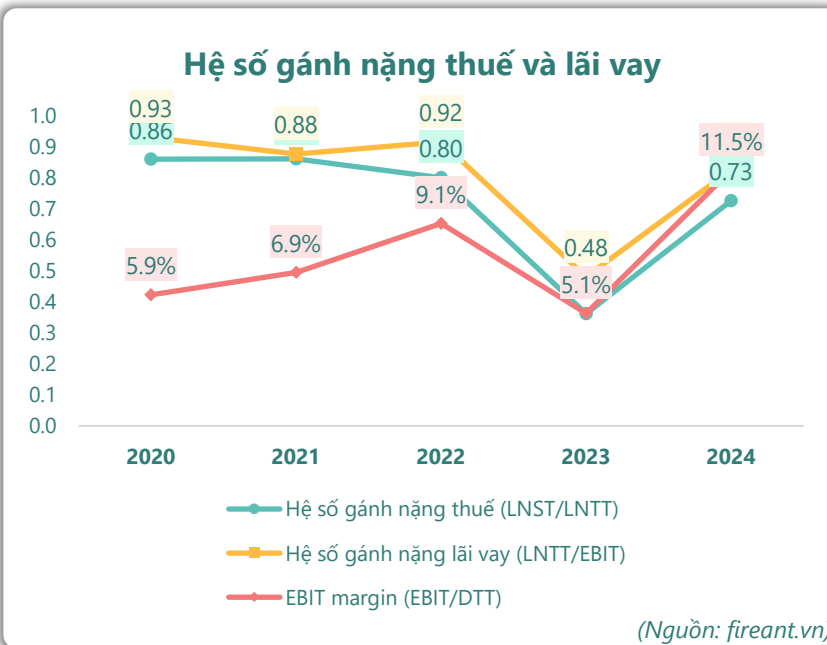
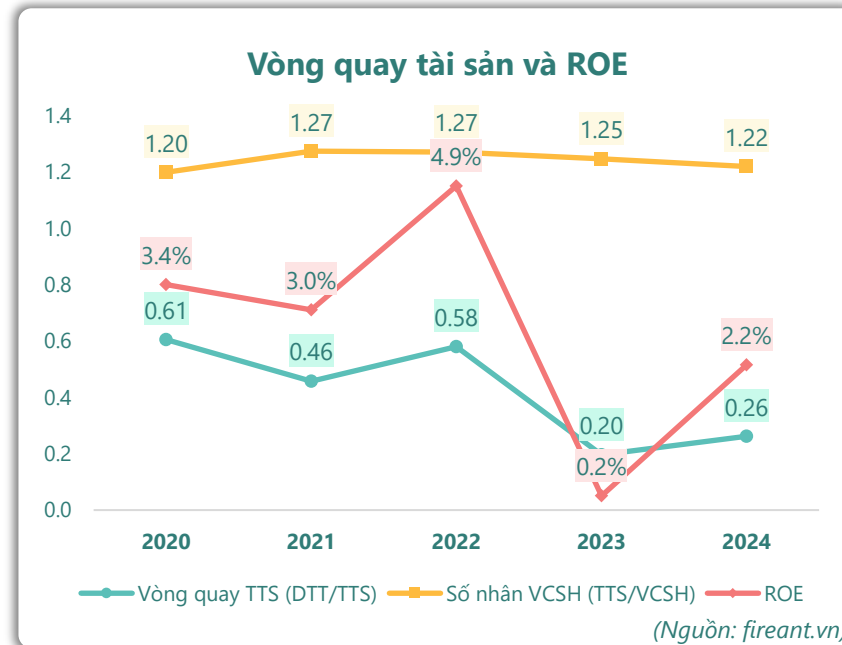
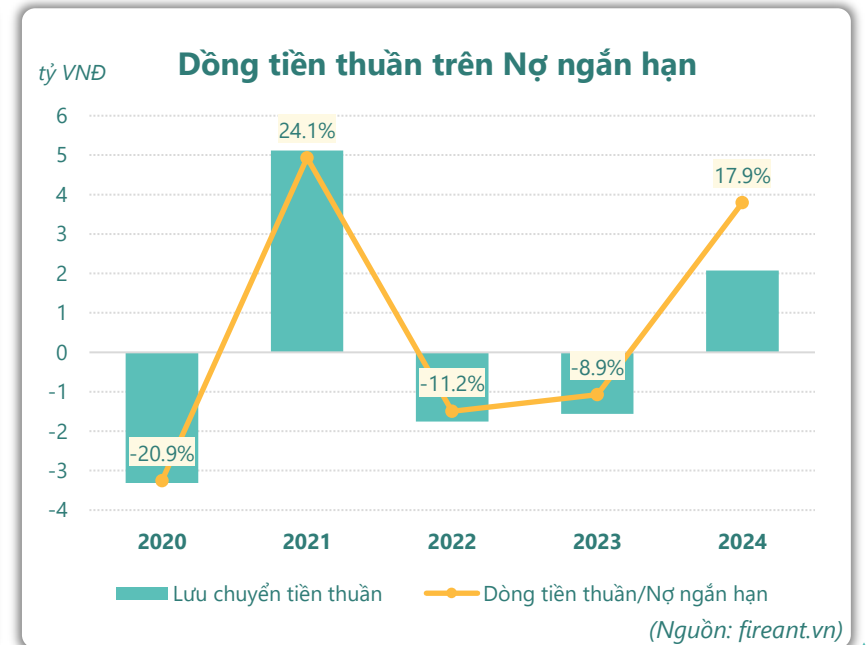
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4.89	2.42	102%	22.4	17.3	29.8%
Giá vốn hàng bán	2.43	2.46	-1.1%	14.0	13.2	5.4%
Lợi nhuận gộp	2.45	-0.05	5004%	8.48	4.04	110%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.02	0.01	232%
Chi phí TC	0.07	0.12	-43.5%	0.45	0.46	-1.4%
Chi phí lãi vay	0.07	0.12	-43.5%	0.45	0.46	-1.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.23	0.21	10.3%	0.88	0.79	11.7%
Chi phí QLDN	1.18	0.36	227%	4.38	3.16	38.9%
LN thuần từ HĐKD	0.99	-0.74	234%	2.79	-0.35	897%
Lợi nhuận khác	-0.05	0.61	-108%	-0.66	0.77	-185%
LN trước thuế	0.94	-0.13	825%	2.14	0.42	407%
Lợi nhuận sau thuế	0.74	-0.29	355%	1.55	0.15	916%
LNST của CĐ cty mẹ	0.74	-0.29	355%	1.55	0.15	916%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.94	1.58	-3.41	2.07	2.77	3.54
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.09	-0.03	0.00	-0.07	0.12	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.00	0	3.00	0	-2.20	-3.77
Tiền đầu kỳ	0.34	0.31	1.86	1.45	3.45	4.15
Lưu chuyển tiền thuần	-0.03	1.55	-0.41	2.00	0.70	-0.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.31	1.86	1.45	3.45	4.15	3.94

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	82.1	89.1	-7.8%
Tài sản ngắn hạn	13.2	21.1	-37.1%
Tiền và tương đương tiền	3.94	1.86	112%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.17	4.49	-74.0%
Hàng tồn kho	7.55	13.8	-45.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.59	0.95	-38.0%
Tài sản dài hạn	68.9	68.0	1.3%
Phải thu dài hạn	2.14	0.85	153%
Tài sản cố định	0.99	1.27	-22.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	65.8	65.9	-0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12.5	18.4	-32.2%
Nợ ngắn hạn	11.6	17.6	-33.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.60	4.00	-10.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.91	4.82	-39.7%
Nợ dài hạn	0.85	0.80	5.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	69.7	70.7	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	69.7	70.7	-1.5%
Vốn điều lệ	50.2	50.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

